

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

2/ Ông Nguyễn Công Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 382/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022. Thông báo dời ngày xét xử số: 03/TB-TA ngày 21/3/2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Trúc L, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Thanh P, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2021, trong quá trình tố tụng chị Đặng Thị Trúc L trình bày:*

Chị và anh Phan Thanh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ba Tri vào ngày 10/4/2014. Chị và anh P chung sống đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn tiếng nói chung giữa vợ chồng. Từ khi phát sinh mâu thuẫn thì chị và anh P sống

ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị nhận thấy chị và anh P không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn với anh P.

Chị và anh Phan Thanh P có 01 con chung tên: Phan Thị Ngọc T, sinh ngày 26/9/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung không, nợ chung không có.

* Bị đơn anh Phan Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

* *Tại Tòa:*

Nguyên đơn chị L trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh Phan Thanh P. Chị yêu cầu nuôi cháu Thương và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục, thể hiện vô tư, khách quan. Đối với đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh P được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh P là phù hợp. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị Trúc L và anh Phan Thanh P có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh vào năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị L và anh P phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Anh P biết việc chị L yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con nhưng anh P không tham gia hòa giải, không có ý kiến phản bác yêu cầu của chị L. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đôi bên không có thiện chí hàn gắn. Về con chung, chị L yêu cầu nuôi cháu Phan Thị Ngọc T, sinh ngày 26/9/2014. Căn cứ, Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu ly hôn với anh P. Giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng, buộc anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Anh Phan Thanh P được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Trúc L và anh Phan Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (Ba Tri- Bến Tre) vào ngày 10/4/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị L và anh P phát sinh mâu thuẫn nhưng đôi bên không có thiện chí hàn gắn. Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh P; anh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh P vắng mặt không lý do, điều đó đồng nghĩa với việc anh P tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu của chị L. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh P không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh P.

[2] Về con chung: chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan Thị Ngọc T, sinh ngày 26/9/2014 và yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đặng Thị Trúc L phải nộp. Về án phí cấp dưỡng: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Phan Thanh P phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Trúc L đối với anh Phan Thanh P.

2. Con chung: chị Đặng Thị Trúc L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thị Ngọc T, sinh ngày 26/9/2014. Buộc anh Phan Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Đặng Thị Trúc L phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003113 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị L đã nộp xong. Anh Phan Thanh P phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Long

